

Bản án số: 17/ 2023/HS-ST

Ngày: 13 - 7 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Đông

Bà Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HS, ngày 28 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Thị Thu N, sinh ngày 14/7/1984; nơi sinh tại tỉnh Bến Tre; tên gọi khác: không. Nơi cư trú: số 619 ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956 và Trần Thị Thúy N, sinh năm 1959; chồng Kiều Hoàng E, sinh năm 1992; có 01 người con, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: ngày 28/4/2023, bị Công an huyện Giồng Trôm ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 47/QĐ-XPHC về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng của bà Võ Thị N vào ngày 19/12/2022 phạt 2.000.000 đồng, đã chấp hành xong ngày 28/4/2023. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/3/2023 cho đến nay, bị cáo (có mặt).

- Bị hại: Bà Võ Thị N, sinh năm 1931. Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Kiều Hoàng E, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. (có mặt).

- Người làm chứng: Ông Võ Văn N, sinh năm 1962. Nơi cư trú: ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 15 phút ngày 19/12/2022, Trần Thị Thu N là người bán vé số điều khiển xe mô tô biển số 71B1 - 898.52 đến nhà bà Võ Thị N, tại ấp Phú Tân, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giả danh tự xưng tên “Bé La” là cháu ngoại bà N để hỏi mượn tiền đi trị bệnh, bà N đã cao tuổi nên việc nghe nhìn có phần hạn chế nên mới tin N là “Bé La” nên bà N đã lấy tiền trong túi áo khoác cho N mượn số tiền 1.000.000 đồng. Lúc bà N đưa tiền cho N, N thấy bà N còn nhiều tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền còn lại của bà N cất trong túi vải màu nâu để trong túi áo khoác. N nhờ bà N giữ xe mô tô dựng phía trước nhà để N trở vào nhà bà N đi vệ sinh nhưng N không đi vệ sinh mà có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 20.550.000 đồng để trong túi áo khoác của bà N rồi điều khiển xe mô tô về nhà của mình tại ấp Phong Hòa, xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Sau khi N rời khỏi nhà, bà N kiểm tra phát hiện mất hết tiền cất trong túi vải màu nâu để trong túi áo khoác nên trình báo đến Công an xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm để giải quyết.

Công an đã tiến hành xác minh thu thập thông tin về việc bà N bị trộm cắp tiền, N biết được không thể che giấu được hành vi phạm tội của mình, nên đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 20/12/2022, N đã đến Công an xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tiền của bà N, đồng thời giao nộp toàn bộ số tiền lấy được cùng các đồ vật, phương tiện có liên quan cho Công an xã Châu Hòa.

Hiện trường vụ án xảy ra tại nhà bà Võ Thị N tại ấp Phú Tân, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, cụ thể: tại giường ngủ có kích thước 2,1m x 1,55m x 0,5m; giường ngủ đặt cách vách tường nhà sau về hướng Nam là 1,35m, cách vách tường hướng Đông là 1,08m.

Vật chứng thu giữ:

- Tiền Việt Nam: 21.550.000 đồng, trong đó: 20.550.000 đồng là tiền trộm cắp tài sản và 1.000.000 đồng là tiền N có hành vi lừa đảo bà N mà có được.
- 01 túi vải màu nâu được may kính 03 đầu, đầu còn lại có dây rút màu xanh.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại LUVIAS, màu sơn trắng, biển số 71B1-898.52.
- 01 bộ quần áo, vải thun, màu vàng, áo tay ngắn, quần tay dài, có nhiều hoa văn màu đỏ - vàng.
- 01 áo khoác tay dài, vải thun, màu vàng, có nhiều hoa văn màu đỏ - vàng.

- 01 nón bảo hiểm kiểu dáng lưỡi trai, màu hồng, có hoa văn hình bông hoa màu trắng - cam.

Quá trình điều tra, Trần Thị Thu N khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Ngày 29/12/2022 Cơ quan điều tra đã trả cho bà N: tiền Việt Nam 21.550.000 đồng, trong đó: 20.550.000 đồng là tiền N trộm cắp và 1.000.000 đồng là tiền N lừa đảo của bà N; 01 túi vải màu nâu được may kính 03 đầu, đầu còn lại có dây rút màu xanh. Bà N đã nhận đủ số tiền và túi vải, không yêu cầu N bồi thường gì khác.

Bản Cáo trạng số 13/CT-VKSQT, ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre truy tố Trần Thị Thu N về “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu N phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự: căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo Trần Thị Thu N có mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bị hại đã nhận lại số tiền 20.550.000 đồng và có không yêu cầu gì khác.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 bộ quần áo, vải thun, màu vàng, áo tay ngắn, quần tay dài, có nhiều hoa văn màu đỏ - vàng; 01 áo khoác tay dài, vải thun, màu vàng, có nhiều hoa văn màu đỏ - vàng; 01 nón bảo hiểm kiểu dáng lưỡi trai, màu hồng, có hoa văn hình bông hoa màu trắng - cam là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng.

+ Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại LUVIAS, màu sơn trắng, biển số 71B1-898.52 cho ông Kiều Hoàng E.

Lời nói sau cùng của bị cáo đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin hứa sẽ khắc phục và yêu cầu Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người làm chứng vắng mặt, đối với bị hại về trách nhiệm dân sự bị hại đã được nhận lại tài sản bị cáo chiếm đoạt và không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác. Trong quá trình điều tra bị hại, người làm chứng đã có lời khai rõ ràng, nên sự vắng mặt của bị hại, người làm chứng không làm trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên theo quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: lời khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai bị cáo tại Cơ quan điều tra, đồng thời phù hợp lời khai bị hại, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường cùng các chứng cứ khác của Cơ quan điều tra thu thập. Do đó, có cơ sở khẳng định: khoảng 08 giờ 10 phút ngày 19/12/2022, Trần Thị Thu N có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 20.550.000 đồng của bà Võ Thị N, tại ấp Phú Tân, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm. Như vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Trần Thị Thu N phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Thị Thu N là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: khi bị cáo tiếp xúc với bà N bị cáo biết được bà N đã cao tuổi việc nghe nhìn có phần hạn chế, từ đó bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của bà N trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm số tiền 20.550.000 đồng của bà N nhằm mục đích để sử dụng vào việc cá nhân của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản

thuộc quyền sở hữu hợp pháp người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn tại địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, đối với bị cáo cần xét xử nghiêm theo quy định của pháp luật.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

- Về nhân thân: ngày 19/12/2022 bị cáo có hành vi lừa đảo số tiền 1.000.000 đồng của bà Võ Thị N là cùng ngày bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, của bà N, đến ngày 28/4/2023, bị Công an huyện Giồng Trôm ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 47/QĐ-XPHC, về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng và đã chấp hành xong ngày 28/4/2023. Do đó, không tính bị cáo có tiền sự trong vụ án này. Như vậy, xác định tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Võ Thị N sinh năm 1931, tính đến thời điểm bị cáo chiếm đoạt tài sản của bà N thì bà N trên 70 tuổi, nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây chưa thiệt hại vì sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo tự nguyện đem giao nộp toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại cho Công an để hoàn trả lại cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, hiện tại có con còn nhỏ, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, ngoài ra bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Qua phân tích xem xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng có đến ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, bị cáo có khả năng tự cải tạo, nên không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo luật định, giao bị cáo cho chính quyền nơi bị cáo cư trú phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo nghề nghiệp bán vé số, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Võ Thị N số tiền 20.550.000 đồng vào ngày 29/12/2022 và bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

[9] Về xử lý vật chứng :

- Ngày 29/12/2022, Cơ quan điều tra trả cho bà Võ Thị N: 01 túi vải màu nâu được may kính 03 đầu, đầu còn lại có dây rút màu xanh. Xét thấy, Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm xử lý vật chứng trong quá trình điều tra là phù hợp với quy định khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại LUVIAS, màu sơn trắng, biển số 71B1-898.52 thuộc quyền sở hữu của ông Kiều Hoàng E, bị cáo sử dụng phương tiện trên đi trộm, ông Kiều Hoàng E là chồng của bị cáo không biết nên xem xét trả lại xe mô tô nêu trên cho ông Kiều Hoàng E theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với: 01 bộ quần áo, vải thun, màu vàng, áo tay ngắn, quần tay dài, có nhiều hoa văn màu đỏ- vàng, 01 áo khoác tay dài, vải thun, màu vàng, có nhiều hoa văn màu đỏ - vàng, 01 nón bảo hiểm kiểu dáng lưới trai, màu hồng, có hoa văn hình bông hoa màu trắng – cam là vật chứng liên quan đến vụ án, hiện không còn giá trị sử dụng, xét cần tịch thu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[10] Đối với việc bị cáo N có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng của bà Võ Thị N nhưng N không có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi của N không cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự. Công an huyện Giồng Trôm đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, với số tiền 2.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt của bị cáo, về xử lý vật chứng là hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo Trần Thị Thu N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thu N phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 52; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Phạt bị cáo Trần Thị Thu N 01(một) năm 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 13 tháng 7 năm 2023.

Giao bị cáo Trần Thị Thu N cho Ủy ban nhân dân xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre kết hợp cùng với gia đình bị cáo để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Việc giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc đối với người được hưởng án treo thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tuyên:

- Tịch thu và tiêu hủy:

+ 01(một) bộ quần áo, vải thun, màu vàng, áo tay ngắn, quần tay dài, có nhiều hoa văn màu đỏ - vàng;

+ 01(một) áo khoác tay dài, vải thun, màu vàng, có nhiều hoa văn màu đỏ - vàng;

+ 01(một) nón bảo hiểm kiểu dáng lưỡi trai, màu hồng, có hoa văn hình bông hoa màu trắng - cam.

- Trả lại cho ông Kiều Hoàng E 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại LUVIAS, màu sơn trắng, biển số 71B1-898.52.

(Các vật chứng nêu trên được giao nhận theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/7/2023 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre).

3. Về án phí: căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị Thu N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS CA huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THA dân sự huyện Giồng Trôm;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm
- Bị cáo, bị hại;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Huệ

